



Danh Sách Xét Đạt Tiêu Chuẩn

Học Kỳ 3 - Năm Học 11-12

Chương trình đào tạo ngành Sư phạm KT Công nông nghiệp (DH08SK)

Kỳ m Theo Quyết Định

Ký ngày

Số Tín Chỉ Tín chỉ Lý thuyết Chung

139

Điểm Trung Bình Tín chỉ Lý thuyết

2.00

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	Ph	Ngày sinh	Nơi sinh	DT	ĐTS	ĐT	Số hiệu u bản PT	VB	TCTG	TBTL	Xếp loại
1	08158020	TRẦN VÕ THÙY DIỄM	DH08SK	Nữ	13/02/90	Long An	01	2000				140	3.24	Giỏi
2	08158081	ĐÀO NGỌC LAN	DH08SK	Nữ	05/12/90	Đồng Nai	01	1500				140	2.75	Khá
3	08158088	NGUYỄN LÊ NGỌC LINH	DH08SK	Nữ	20/08/90	Ninh Thuận	01	1450				141	2.85	Khá
4	08158113	ĐẶNG HỮU NGHĨA	DH08SK		26/11/90	Tây Ninh	01	1500				140	3.00	Khá
5	08158170	NGUYỄN HỮU MINH TRÍ	DH08SK		25/03/90	Long An	01	1750				140	2.84	Khá
6	08158187	TRẦN THỊ VINH	DH08SK	Nữ	06/12/90	Hà Tĩnh	01	1500				140	2.83	Khá

In Ngày 25/09/12

TP.HCM, Ngày 25 tháng 09 năm 2012

Người lập biểu



Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Học Kỳ 3 - Năm Học 11-12

Chương trình đào tạo ngành Sư phạm KT Công nông nghiệp (DH08SK)

Số Tín Chỉ Tối thiểu Chung
Điểm Trung Bình Tối thiểu Chung

139
2.00

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH B	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
1	08158008	TRẦN KIM ANH	DH08SK	135	2.97	215902 NN	Thực tập sư phạm 2 Chuẩn đầu ra B1	5			
2	08158014	MAI VĂN BƯỜNG	DH08SK	134	2.36	213601 NN	Anh văn 1 Chuẩn đầu ra B1	5		102	3.3
3	08158015	NGUYỄN THỊ MAI CA	DH08SK	129	2.58	202108 202110 213602 NN	Toán cao cấp A1 Toán cao cấp A3 Anh văn 2 Chuẩn đầu ra B1	3 3 5		113 112	2.4 2.7
4	08158018	CAO VĂN CƯỜNG	DH08SK	129	2.38	207123 213602 NN	Nguyên lý và chi tiết máy Anh văn 2 Chuẩn đầu ra B1 Nó m bắt buộc tự chọn	3 5		091	2.0
5	08158028	NGUYỄN TRỊNH THIÊN DUYÊN	DH08SK	124	2.28	202108 202121 213601 213602 NN	Toán cao cấp A1 Xác suất thống kê Anh văn 1 Anh văn 2 Chuẩn đầu ra B1	3 3 5 5		113 103 111	3.4 3.2 3.0
6	07158086	PHẠM THỊ DUYÊN	DH08SK	110	2.26	200201 200202 202108 202109 202401	Quản sự 1 (lý thuyết)* Quản sự (thực hành)* Toán cao cấp A1 Toán cao cấp A2 Sinh học đại cương	3 3 3 3 2			

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp p	TCCH	TBTL	Mã MH B	Tên môn học c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						202402	Thực hành Sinh học Địa i cương	1				
						202501	Giá o dụ c thể chấ t 1*	1				
						202502	Giá o dụ c thể chấ t 2*	1				
						213601	Anh vă n 1	5				
						213602	Anh vă n 2	5				
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1					
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		2			
7	08158032	NGUYỄN HÙNG	DƯƠNG	DH08SK	130	2.30	213601	Anh vă n 1	5		102	3.9
							213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1					
8	08158034	TRẦN ĐẠI	DƯƠNG	DH08SK	118	2.01	202108	Toá n cao cấ p A1	3		113	3.5
							202110	Toá n cao cấ p A3	3		091	3.0
							202501	Giá o dụ c thể chấ t 1*	1		081	3.0
							203525	Già i phẩ u bệ nh II	2		112	3.4
							207104	Cơ kỹ thuậ t	3		091	3.0
							207107	Dung sai và kỹ thuậ t đo lườ ng	2		113	3.3
							207109	Kỹ thuậ t điệ n	2		092	1.0
							207110	Kỹ thuậ t điệ n tử	2		092	3.0
							207121	Vậ t liệ u và cô ng nghệ kim loạ i	2		102	3.3
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		7			
9	08158040	NGUYỄN ĐÌNH	ĐỒNG	DH08SK	140	2.61	NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
10	08158042	HUỖNH TẤN	ĐỨC	DH08SK	130	2.93	213601	Anh vă n 1	5		102	2.9
							213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1					
11	08158044	TRẦN THANH	HẢI	DH08SK	140	2.57	NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
12	08158046	VÕ THỊ MỸ	HẠNH	DH08SK	135	3.14	213602	Anh vă n 2	5			

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH B	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
13	07158011	NGUYỄN VĂN HIỀN	DH08SK	118	2.67	200201	Quản sự 1 (lý thuyết)*	3			
						200202	Quản sự (thực hành)*	3			
						202108	Toán cao cấp A1	3			
						202109	Toán cao cấp A2	3			
						202401	Sinh học đại cương	2			
						202402	Thực hành Sinh học Đại cương	1			
						202501	Giáo dục thể chất 1*	1			
						202502	Giáo dục thể chất 2*	1			
							Nhóm bắt buộc tự chọn		2		
14	08158195	HUỖNH THỊ NGỌC	HIỆP	DH08SK	140	2.48	NN	Chuẩn đầu ra B1			
15	08158051	NGUYỄN THỊ MINH	HIẾU	DH08SK	135	2.61	213602	Anh văn 2	5		
							NN	Chuẩn đầu ra B1			
16	08158053	TRẦN MINH	HIẾU	DH08SK	122	2.17	202108	Toán cao cấp A1	3	113	3.0
							203525	Giải phẫu bộ phận II	2	111	3.6
							213601	Anh văn 1	5		
							213602	Anh văn 2	5		
							NN	Chuẩn đầu ra B1			
							Nhóm bắt buộc tự chọn		3		
17	08158060	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	DH08SK	133	2.37	213602	Anh văn 2	5		
							NN	Chuẩn đầu ra B1			
							Nhóm bắt buộc tự chọn		3		
18	08158062	ĐINH THỊ	HUÊ	DH08SK	136	2.39	213602	Anh văn 2	5		
							NN	Chuẩn đầu ra B1			
19	08158065	ĐÀO THỊ THU	HUYỀN	DH08SK	140	2.52	NN	Chuẩn đầu ra B1			
20	08158076	HỒ CHÍ	KHOA	DH08SK	130	2.63	213601	Anh văn 1	5	102	3.0

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 4

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH B	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						213602 NN	Anh văn 2 Chuẩn đầu ra B1	5			
21	08158080	HỒ THỊ HỒNG LAM	DH08SK	135	2.52	213602 NN	Anh văn 2 Chuẩn đầu ra B1	5			
22	08158082	TRỊNH THẾ LẠNG	DH08SK	141	3.02	NN	Chuẩn đầu ra B1				
23	08158083	NGUYỄN THANH LÂM	DH08SK	130	2.22	213601 213602 NN	Anh văn 1 Anh văn 2 Chuẩn đầu ra B1	5 5		102	3.5
24	08158084	TRẦN TRÚC LÂM	DH08SK	127	2.43	202108 213601 213602 NN	Toán cao cấp A1 Anh văn 1 Anh văn 2 Chuẩn đầu ra B1	3 5 5		113 102	3.8 3.5
25	08158086	CHUNG THỊ THÙY LIÊN	DH08SK	135	2.67	213602 NN	Anh văn 2 Chuẩn đầu ra B1	5		091	
26	08158087	PHAN THỊ MINH LIÊN	DH08SK	140	2.73	NN	Chuẩn đầu ra B1				
27	08158094	NGUYỄN HỮU LỘC	DH08SK	137	2.18	202110	Toán cao cấp A3	3		103	3.3
28	08158096	TRẦN THỊ LỘC	DH08SK	140	2.95	NN	Chuẩn đầu ra B1				
29	08158097	BÙI QUANG LỢI	DH08SK	139	2.34	202501 NN	Giáo dục thể chất 1* Chuẩn đầu ra B1	1		081	3.0
30	08158100	TRẦN THỊ LƯƠNG	DH08SK	140	3.12	NN	Chuẩn đầu ra B1				
31	08158116	LÊ THANH NHÀN	DH08SK	130	2.53	213601 213602 NN	Anh văn 1 Anh văn 2 Chuẩn đầu ra B1	5 5		102	1.8
32	08158118	LÊ MINH NHẬT	DH08SK	135	2.58	213602 NN	Anh văn 2 Chuẩn đầu ra B1	5		111	3.9
33	08158119	NGUYỄN VĂN NHUNG	DH08SK	130	2.66	213601 213602	Anh văn 1 Anh văn 2	5 5		111	3.3

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 5

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH B	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
34	08158122	NGUYỄN BÁ NHỰT	DH08SK	131	2.46	213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
35	08158133	ĐÀO DUY QUAN	DH08SK	118	2.35	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		102	1.0
						202108	Toán cao cấp A1	3		081	2.8
						202121	Xác suất thống kê	3		091	3.9
						203504	Giải phẫu bệnh I	2		111	2.7
						213601	Anh văn 1	5		102	3.2
						213602	Anh văn 2	5			
						215357	Phân tích CT CN PTTH	3			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
36	08158196	NGUYỄN BÁ MẠNH QUÂN	DH08SK	134	2.36	213601	Anh văn 1	5		111	2.6
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
37	08158140	MA VA RIA	DH08SK	130	2.26	202108	Toán cao cấp A1	3		113	2.8
						213602	Anh văn 2	5		091	
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
							Nhóm bài tập tự chọn		3		
38	08158142	NGUYỄN DUY TÀI	DH08SK	125	2.30	203504	Giải phẫu bệnh I	2		111	3.8
						213601	Anh văn 1	5		102	2.7
						213602	Anh văn 2	5			
						215357	Phân tích CT CN PTTH	3			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
39	08158144	LÂM THÁI TĂNG	DH08SK	125	2.06	207110	Kỹ thuật điện tử	2		092	3.0
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH B	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
							Nhóm bắt đầu học tự chọn		3		
40	07132086	TRẦN CÔNG TẤN	DH08SK	74	1.55	200201	Quản lý 1 (lý thuyết)*	3			
						200202	Quản lý (thực hành)*	3			
						202108	Toán cao cấp A1	3		111	1.4
						202109	Toán cao cấp A2	3			
						202121	Xác suất thống kê	3		111	2.5
						202401	Sinh học đại cương	2		111	1.7
						202402	Thực hành Sinh học Đại cương	1			
						202501	Giáo dục thể chất 1*	1			
						202502	Giáo dục thể chất 2*	1			
						203504	Giải phẫu bệnh I	2		103	2.8
						203525	Giải phẫu bệnh II	2		111	3.0
						207107	Dung sai và kỹ thuật đo lường	2		091	3.5
						207109	Kỹ thuật điện	2		092	3.0
						207110	Kỹ thuật điện tử	2		092	2.0
						207117	AutoCAD	2			
						207121	Vật liệu và công nghệ kim loại	2		102	2.3
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						215357	Phân tích CT CN PTTH	3			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
							Nhóm bắt đầu học tự chọn		1		
							Nhóm bắt đầu học tự chọn		2		
							Nhóm bắt đầu học tự chọn		3		
							Nhóm bắt đầu học tự chọn		4		

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 7

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH B	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
							Nhóm bắt đầu học tự chọn		6		
41	08158154	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	DH08SK	131	2.82	213601	Anh văn 1	5		102	✓
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
42	08158158	ĐỖ CÔNG SỸ THOẢNG	DH08SK	114	2.05	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		101	3.0
						202108	Toán cao cấp A1	3		113	2.3
						202121	Xác suất thống kê	3		091	3.5
						203504	Giải phẫu bệnh I	2		092	1.5
						207109	Kỹ thuật điện	2		092	1.0
						207110	Kỹ thuật điện tử	2		092	2.0
						207121	Vật liệu và công nghệ kim loại	2		101	2.3
						207123	Nguyên lý và chi tiết máy	3		091	2.0
						215357	Phân tích CT CN PTTH	3			
							Nhóm bắt đầu học tự chọn		3		
							Nhóm bắt đầu học tự chọn		5		
43	08158197	NGUYỄN THỊ THOM	DH08SK	130	2.52	213601	Anh văn 1	5		102	3.2
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
44	08158161	PHẠM THỊ THU THỦY	DH08SK	140	2.94	NN	Chuẩn đầu ra B1				
45	08158183	PHẠM NGỌC TÚ	DH08SK	114	1.84	203504	Giải phẫu bệnh I	2		112	3.8
						207107	Dung sai và kỹ thuật đo lường	2		113	0.7
						207117	AutoCAD	2		112	✓
						207121	Vật liệu và công nghệ kim loại	2		102	✓
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						215355	Rèn nghề nông học	1			

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 8

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
							Nhóm bắt buộc tự chọn		3		
							Nhóm bắt buộc tự chọn		5		
							Nhóm bắt buộc tự chọn		7		
46	08158179	LƯU VĂN TÙNG	DH08SK	130	2.74	213601	Anh văn 1	5		102	3.5
						213602	Anh văn 2	5		091	
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
47	08158180	PHAN BÁ TÙNG	DH08SK	136	2.65	213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
48	08158181	TRẦN SƠN TÙNG	DH08SK	135	2.78	213601	Anh văn 1	5		102	✓

Ghi Chú : BBTC=Tổ Hợp p Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 1: 4 TC (Min)

202120	Quy hoạch tuyến tính	2
202302	Hoá phân tích	2
202305	Thí nghiệm Hoá phân tích	1
202403	Đa dạng sinh học	2
202413	Sinh học động vật	2
202414	Sinh học thực vật	2
202416	Thực vật học và phân loại TV	2
203203	Di truyền học đại cương	3
203204	Thực hành Di truyền đại cương	1
203516	Vi sinh học đại cương	3
207108	Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật	3
210204	Hóa sinh đại cương	3

Nhóm TC 2: 6 TC (Min)

202609	Logic học	2
202616	Tâm lý học	2
202620	Kỹ năng giao tiếp	2
215106	Tiếng Việt thực hành	2
215310	Quản lý HCNN và GD&ĐT	2
215332	Kinh tế học giáo dục	2

215345	Giáo dục học	2
Nhóm TC 3: 8 TC (Min)		
203206	Giống động vật I	2
203603	Dinh dưỡng động vật	4
203705	Chăn nuôi gia cầm đại cương	2
203707	Chăn nuôi heo đại cương	2
203709	Chăn nuôi thú nhai lại ĐC	2
203719	Thực hành trại chăn nuôi	2
204707	Côn trùng cơ bản	2
204715	Bệnh cây đại cương	3
206210	Di truyền ứng dụng trong TS	2
207212	Công nghệ &TB CB lúa gạo	2
207304	Máy sau thu hoạch	3
207307	Động cơ đốt trong	2
207315	Thủy lực và máy thủy lực	2
207318	Máy nông nghiệp	2
210415	Bảo quản & chế biến thủy sản	3
211107	Công nghệ SH đại cương	2
211306	Chẩn đoán bệnh GS/GC bằng CNSH	2
215218	Cây lương thực	3
216210	Hoa và cây cảnh	2
Nhóm TC 4: 7 TC (Min)		
215303	Tâm lý học lứa tuổi sư phạm	2
215308	Phương pháp giảng dạy môn KTN	3
215322	Phương pháp GD môn KTCN	3
215323	Rèn luyện nghiệp vụ SP	1
215327	Công nghệ dạy học	2
215333	Phương pháp thực nghiệm	2
215336	Tham vấn học đường	2
215337	E-Learning	2
Nhóm TC 5: 3 TC (Min)		
203208	Thống kê ứng dụng trong SH	3
208453	Marketing căn bản	2
208454	Quản trị doanh nghiệp	2
215321	Niên luận	1
215326	Chuyên đề ngoại khóa	1
215338	Viết và trình bày báo cáo KH	2
215339	Chuyên đề tự học	2

Nhóm TC 6: 7 TC (Min)

215320	Thiết kế và PT CT dạy học	3
215334	Giáo dục hướng nghiệp	2
215335	Dạy học qua đề án &HĐNK	2
215903	Khóa luận tốt nghiệp	7

Nhóm TC 7: 2 TC (Min)

204301	Độ phì và phân bón	3
217402	Khoa học đất và phân bón	2

In Ngày y 25/09/12

TP.HCM, Ngày y 25 tháng 09 năm 2012

Người i lập biểu u